

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 1077 : 1986

GỖ CHỐNG LÒ

Mining posts

Tiêu chuẩn này thay thế TCVN 1077-71; áp dụng đối với các loại gỗ tròn để chống các loại hầm lò trong khai thác than.

1. KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

1.1. Kích thước cơ bản của gỗ chống lò được quy định trong bảng 1.

Bảng 1

Chiều dài m, không nhỏ hơn	Đường kính đầu nhỏ, mm, không nhỏ hơn						
0.5	70	-	-	-	-	-	-
1.1	80	-	-	-	-	-	-
1.4	-	120	140	160	180	-	-
1.5	-	-	140	160	180	-	-
1.6	-	-	140	160	180	-	-
1.7	-	-	140	160	180	-	-
1.8	-	-	140	160	180	-	-
1.9	-	-	140	160	180	-	-
2.0	-	-	140	160	180	200	-
2.1	-	-	140	160	180	200	-
2.2	-	-	140	160	180	200	220
2.3	-	-	140	160	180	200	220
2.4	-	-	-	160	180	200	220
2.5	-	-	-	160	180	200	220
2.6	-	-	-	160	180	200	220
2.7	-	-	-	160	180	200	220
2.8	-	-	-	160	180	200	220
3.0	-	-	-	160	180	200	220
3.2	-	-	-	160	180	200	220
3.5	-	-	140	160	180	200	220
4.0	-	-	140	160	180	200	220

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1. Gỗ chống lò (trừ gỗ dùng cho lò chợ có chiều dài dưới 2m) được sản xuất từ các loại gỗ có giá trị số ứng suất không nhỏ hơn quy định trong bảng 2.

Bảng 2

Ứng suất, MPa			
Nén dọc thớ	Cắt dọc thớ	Uốn ngang thớ	Mô đun đàn hồi uốn ngang thớ
30.5	6.0	52.5	7500.0

2.2. Không sản xuất gỗ chống lò từ các loại gỗ có tính chất cơ lý như quy định trong bảng 2 nhưng có giá trị kinh tế cao.

2.3. Không sản xuất gỗ chống lò từ các loại gỗ gây bệnh cho người.

2.4. Mức độ cho phép các khuyết tật của gỗ chống lò theo quy định trong bảng 3.

Bảng 3

Khuyết tật	Mức
1	2
1. Mọc	
- Mọc ngoài: tỷ lệ giữa chiều dày của vết mọc lớn nhất so với đường kính cây gỗ ở vị trí bị mọc tính theo %. Không lớn hơn	10
- Mọc trong, tỷ lệ giữa đường kính phần mọc ở đầu cây gỗ so với đường kính cây gỗ ở vị trí bị mọc tính theo % không lớn hơn	15
2. Mắt chết mọc, mắt dò	
- Tỷ lệ giữa đường kính lớn nhất của mắt so với đường kính cây gỗ ở vị trí có mắt tính theo % không lớn hơn	10
- Số mắt nằm trên cùng một mặt cắt ngang hoặc số mắt nằm kề nhau theo chiều dài cây gỗ, không được nhiều hơn	
3. Mọt	
- Số lỗ mọt (trừ mọt nước) có đường kính dưới 3mm trên m dài cây gỗ không nhiều hơn	20
- Số lỗ mọt có đường kính từ 3 đến 10mm trên 1 mét dài cây gỗ không nhiều hơn	3
- Lỗ mọt có đường kính lớn hơn 10 mm	Không được phép
- Tỷ lệ giữa chiều sâu của lỗ mọt (trừ mọt nước) so với đường kính cây gỗ ở vị trí bị mọt không lớn hơn	1/3
4. Nứt (chỉ tính từ các vết nứt có chiều rộng từ 3mm trở lên)	
- Số lượng vết nứt trên mặt cắt ngang của cây gỗ không được nhiều hơn	4
- Nứt dọc tỷ lệ giữa chiều dài vết nứt so với chiều dài cây gỗ, tính theo % không lớn hơn	10
- Nứt vành nhẫn: tỷ lệ giữa chiều dài vết nứt trên mặt cắt ngang của cây gỗ, so với chu vi mặt cắt, không lớn hơn	1/3
- Nứt hướng tâm:	
a- Tỷ lệ giữa chiều sâu vết nứt so với đường kính cây gỗ, không lớn hơn	1/3
b- Tỷ lệ giữa tổng chiều sâu của hai vết nứt đối diện nhau so với đường kính của cây gỗ không lớn hơn	1/2
5. Cong	

- Cong khác chiều	Không được phép
- Độ cong, % chiều cao so với chiều dài đoạn cong nhất không lớn hơn	3

2.5. Cần phải gia công sơ bộ khi khai thác gỗ chống lò: các mắt phải được cắt bằng so với mặt thân gỗ. Hai đầu phải được cắt vuông góc với trục dọc của cây gỗ.

3. BẢO QUẢN

Bảo quản gỗ chống lò theo TCVN 4093-85

Tailieu.vn